TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH Đ** Số:**581**/2023/QĐST–HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***B**, ngày 14 tháng 04 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 473/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Thu L**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 147/6, tổ 13, khu phố 3, phường **T**, thành phố **B**, tỉnh **Đ**.

- *Bị đơn*: Ông **Ngô Xuân H**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 60A/6, tổ 5, khu phố 2A, phường **L**, thành phố **B**, tỉnh **Đ**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, 6,7 và 8 Luật hôn nhân và Gia đình năm 1986;

Căn cứ vào Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 04 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 04 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu **L** và ông Ngô Xuân **H** thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu **L** và ông Ngô Xuân **H** thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Ngô Quang Hiển, sinh ngày 02/04/1995 và Ngô Quang Minh, sinh ngày 10/3/2001.

Ly hôn, các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Đương sự khai tự thoả thuận nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí HNGĐ sơ thẩm hoà giải thành: Bà **L** tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm hòa giải thành được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0006486 ngày 28/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố **B**, tỉnh **Đ**. Hoàn trả cho bà **L** số tiền 150.000 đồng đã tạm ứng theo biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh **Đ**;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố **B**;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố **B**;
- Uỷ ban nhân dân phường Bình Đa;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Cẩm